

Mật Tạng Bộ 1 \_ (Tr.704 \_ Tr.713)

## TÔ TẤT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP QUYỂN THỨ NHẤT

Phạn Hán: Tam Tạng Pháp Sư THIÊN VÔ ÚY  
Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ  
Dịch Phạn Chú: HUYỀN THANH

Quy mệnh chư Như Lai  
Và Pháp, chúng Bồ Tát  
Liên Hoa, Kim Cang Bộ  
Cùng các hàng quyến thuộc  
Nay Ta y Giáo nói  
**Pháp Trì Tụng Cúng Dường**  
Lược thông cả ba Bộ  
Lần lượt được tương ứng  
Trước xem nơi **Thần Thất**  
Sau nói các Pháp Sư  
Khi thọ được Chân Ngôn  
Và làm các Ấn Pháp  
Ra vào ở bên ngoài  
Pháp chia đất Tẩy Tịnh  
Quét dọn nơi Thần Thất  
Trừ bỏ các hoa héo  
Làm sạch để cúng dường  
Sau đó đi tắm gội  
Trước là **Tam Ma Gia** (Samaya\_ Bản Thệ)  
Cột trói các chướng nạn  
**Tịch Trì** và **Hộ Thân**  
Nước sạch làm trong sáng  
Tắm gội tự **Quán Đảnh**  
Vốc nước hiến ba lần  
Đến nơi cửa Thần Thất  
Thay áo **rảy thân** Pháp  
Vào Thất và lễ bái  
Pháp **Cúng Vật** đầy đủ  
Tràng chuỗi và Thần Tuyến  
Vòng cổ, năm thứ tịnh (của con bò)  
Dâng hiến nước **Ú Già** (Argha)

Và an đặt Tòa ngò  
Sau quán Tam Ma Gia (Samaya)  
Pháp trừ thân chướng nạn  
Tịch Trừ với Khử Cấu (trừ bỏ dơ bẩn)  
Pháp **Quang Trạch** thanh tịnh  
Hộ Thân và Kết Giới  
Tám phương cùng trên dưới  
Trước nên tưởng Thần Thất  
Pháp **Quán Niệm Bản Tôn**  
Tiếp theo nơi chốn ở  
Pháp **Phụng Thỉnh Bản Tôn**  
Dùng **Bản Tôn Chân Ngôn**  
Mời thỉnh Bản Tôn xong  
Liên Trì Khiển Tòng Ma  
Rồi dâng hiến Pháp Tòa  
Sau quán Tam Ma Gia (Samaya)  
Liên dâng nước Ứ Già  
Tắm Tôn và dâng áo  
Lại hiến hoa, hương xoa  
Hương đốt, thức ăn uống  
Pháp cúng dường Đèn Sáng (Nhiên Đăng)  
Chân Ngôn và Thủ Ấn  
Pháp **Vận Tâm Cúng Dường**  
Ngợi khem và sám hối  
Hộ Bản Tôn và mình  
Cùng hộ nơi chốn tu  
Lại kết Pháp Đại Giới  
Bày đủ Bạt Chiết La (Vajra:Chày Kim Cương)  
Cùng xâu chuỗi, các Pháp  
Phần Chân Ngôn đầy đủ  
Lại Pháp **Ngồi trì tụng**  
Cầu xin các ước nguyện  
Cùng hộ chỗ niệm tụng  
Pháp **Hồi Hương Công Đức**  
Khởi Pháp **Phát Nguyện lớn**  
Cùng hiến nước Ứ Già  
Pháp Hương xoa, hương đốt....  
Lại quán Tam Ma Gia  
Hộ thân ta và người  
Giải các chỗ Kết Giới  
Sau làm Pháp **Phát Khiển**

**Hộ Ma** , các chi phần  
Là **Lư, Thần** và **Đất**  
Pháp **Thiền đốt** đầy đủ  
Chuyển đọc Kinh Phương Quảng  
Và làm Pháp **Chế Để** (Caitye:Tháp.Đây là Pháp **ấn tạo Tháp cúng**  
**dường**)

Sau lại quán Từ Bi  
Pháp **Suy nghĩ sám niệm**  
Theo thứ tự như đây  
Nay Ta lược nói đủ

\_ **Thấy nơi Thần Thất** tức là vào Mạn Đà La (Maṇḍala: Đàn Tràng) rải hoa. Hoa rơi vào Vị nào thì Vị đó là Bốn Tôn.

\_ Nói **Sự Pháp** là được Tối Thắng Thọ Minh Quán Đảnh, vâng theo A Xà Lê (Acarya: Đạo Sư) ấn khả truyền Pháp Quán Đảnh cho đến làm Pháp Tức Tai .... Các Pháp Quán Đảnh khác.

\_ **Đối thọ Chân Ngôn và Thủ Ấn** tức là người Thọ Pháp tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, ở chỗ trong sạch đó quỳ dài cung kính đối trước A Xà Lê , gần gũi thọ Chân Ngôn và Thủ Ấn. Thời A Xà Lê tụng trước ba biến tồ truyền cho Đệ Tử. Đệ Tử thọ rồi tự tụng ba biến, sanh lòng hoan hỷ sâu xa, cúi lạy làm theo. Đây là tùy sức bày biện cúng dường A Xà Lê, giảng giải Pháp xong mới có thể theo thứ tự niệm tụng

\_ **Ra ngoài, vào Thất** tức là sáng chiều làm xong , đi vào các chỗ dơ ướ đều dùng **Thọ Xúc Phần Nộ Chân Ngôn** mà hộ thân. Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, câu lộ đà na, hồng, nhạ

OM KRODHANA HUM JJAḤ (?JAḤ)

Ấn Tướng : Tay phải nắm lại thành Quyền, duỗi thẳng ngón cái hộ năm chỗ là Đảnh, hai vai, tim, cổ.

\_ **Chia đất thanh tịnh** là dùng năm cục đất chà nơi hạ bộ, dùng ba cục chà nơi tiểu tiện, dùng ba cục chà tay trái, dùng bảy cục chà hai tay. Nếu chưa được sạch thì dùng ý mà chà rửa cho đến khi sạch thì thôi. Ba cục dùng Thọ Xúc Chân Ngôn và Thủ Ấn ấn đất trì tụng một biến cho đến bảy biến, sau đó mới dùng. Lại dùng Chân Ngôn mà rưới vẩy nơi thân. Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm , Thuật rô đế, sa bà lạc đế, đà la ni, hồng, hạ

OM 'SRUTI SRTI (?SMṚTI) DHARAṆI HUM HAḤ

Ấn Tướng: Ngửa lòng bàn tay phải duỗi thẳng năm ngón, hở rộng các kẽ tay, co lóng giữa của ngón vô danh vào lóng bàn tay, ngón cái đè nơi gốc ngón trở hướng về phía trước, đây là Pháp **Rải Nước**. Hướng về phương Đông ngồi Tông Cứ (Ngồi Xổm) hai tay để ở nơi đầu gối, đây là **Vóc Nước** kkhông co có bọt, không để phát ra tiếng động, uống ba hớp sau đó dùng tay lấy nước rửa



Khi đến nơi tẩm gội trước tiên dùng Chú và Ấn này hộ các vật cúng dường rồi mới có thể đến.

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ

Úm , thi khư ra, phạ nhật rị, ám

OM 'SIKHIRA VAJRI AM

Ấn Tượng: Tay phải nắm lại thành quyền. Duỗi thẳng ngón cái, ngón trỏ sao cho 2 ngón chạm nhau và đụng vào vật cúng dường mà gia trì

\_ Trước tiên tác **Tam Ma Gia** (Samaya) : Tức là trước khi làm Pháp phải tác Tam Ma Gia , sau đó hộ thân làm các việc.

\_ Lại nói Tam Ma Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn.

.) Đầu tiên là **Phật Bộ Chân Ngôn**:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, đát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha

OM TATHAGATA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cạng bàn tay chạm nhau, hơi co lỏng trên của 2 ngón trỏ. Đây là

**Phật Bộ Tam Ma Gia Ấn**

.) Tiếp nói Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm , bát na mô na bà phạ dã, soa ha

OM PADMA DBHAVAYA (? PADMA UDBHAVAYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay. 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co. Đây là

**Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn**

.) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Ấn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Úm, phạ nhật lộ na bà phạ dã, soa ha

OM VAJRA UDBHAVAYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái , ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cổ Kim Cang) . Đây là **Kim Cang Tam Muội Gia Ấn**.

\_ Lại **cột trói các nạn** : Tức dùng Quân Trà Lợi Thủ Ấn Chân Ngôn cột trói các nạn.

Ấn Tượng: Tay trái để trên bắp tay phải, ngón cái vịn trên móng ngón út, 3 ngón kia duỗi như chày Kim Cang ba chia. Sau dùng tay phải để trên bắp tay trái , cũng đem ngón cái vịn móng ngón út, duỗi 3 ngón kia như chày ba chia. Hướng mặt về phương Đông rồi ngồi, co gối trái vươn tới trước, chân phải thẳng ngang cách chân trái 2 thước (Thước Tàu) , bàn chân để ngang bắm xuống đất, bậm mọi bên mép phải, trợn mắt nhìn qua trái, tưởng thân của mình

(tự thân) như Quân Trà Lợi (AmṛtaKuṇḍali\_ Cam Lộ Quân Trà Lợi) , tụng Chân Ngôn

ॐ नमो रत्नत्रयै नमो वज्र क्रोधयै मम यक्ष  
मम यक्ष नमो वज्र क्रोधयै संक्रुद्धयै श्रीवयै मम  
सुमौ सुष्ठु पश्चि कश्चयै गच्छेत् उं श्रीगुरुभ्यो नमो नमो  
नमो नमो नमो नमो वज्र वज्र नमो नमो गुरु गुरु  
वक्रुद्धयै वक्रुद्धयै मम वक्रुद्धयै मम गुरुभ्यो नमो नमो  
नमो नमो नमो

Năng mô ra đất năng đất ra dạ dã

Năng măn thất chiến nũa phạ nhật ra tri ninh duệ, măn ha dước khất sai, tế năng bát đa duệ

Năng mô phạ nhật ra cú lộ đà dạ, năng sắt tra lộ đất kiết tra bà dã, bội ra phạ dã, a tỳ, mâu tát la , bát ra thú, bả xả ha ta da dã.

Đát diệt tha : Úm, ám mật lật đa quân nũa li, khư khư, khư khư, khư hế khư hế, để sắt xá đả sắt xá, măn đà măn đà, hạ năng hạ năng, nghiệt ra nhạ nghiệt ra nhạ, vi sa phổ tra vi sa bố tra dã, tát ra phạ vĩ cận năng, vĩ cận năng dã kiếm, ma ha da ninh bát để , nhĩ vĩ đán đa, ca ra dã, hồng , phẩn tra (Tụng 7 biến)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMA (?NAMAḤ) ‘SCAṆḌA VAJRAPÀṆIYE MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHAYA DAMṢṬRATKOṬA (?DAMṢṬROTKAṬA) BHAYA BHAIKAVAYA ASI MUMARA (?MUSARA) PRA’SU (?PARA’SU) PA’SÀ (?PÀ’SÀ) HASTAYA (?HASTÀYA)

TADYATHÀ: OM AMṚTAKUṆḌALI KHAKHA KHAKHA KHAHI KHAHI TIṢṬA TIṢṬA BANDHA BANDHA HÀNA HÀNA (?HANA HANA) GARJA GARJA VISPHÀṬAYA VISPHÀṬAYA (?VISPHOṬÀYA VISPHOṬÀYA)\_ SARVA VIGHNA (?VIGHNÀṀ) VIGHNAYAKAM (?VINAYAKÀNA) MAHÀ GAṆAPATI JIVITAMṬAKARAYA (?JIVITA ANTAKARÀYA) HÙM PHAṬ

Chân Ngôn này, sau câu **măn đà măn đà** (Bandha bandha) dùng 2 tay, 3 ngón ( ngón cái đè trên móng ngón giữa và ngón vô danh) nắm lại thành quyền, các ngón vịn nhau ( duỗi ngón trở và ngón út, hơi co) thì các nạn liền bị cột trói.

\_ Lại Pháp **tắm gội**: Để làm sạch thân, nên lấy đất sạch chia làm 3 phần (Có thể dùng 3 cục xà phòng thơm) dùng Chân Ngôn Thủ Ấn, trì tụng Chân Ngôn:

उं नमो नमो वसुधै कुरु

Úm, ninh khư nan, phạ tô đề, soa ha  
OM NIKHANA VASUDHE SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai tay cài chéo nhau, các ngón vịn ở lưng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón trỏ dựa nhau, dựng thẳng 2 ngón cái vịn bên cạnh 2 ngón trỏ. Dùng Ấn này chạm vào cục đất, tụng Chân Ngôn, sau đó mới lấy

\_ Lại **Tịch Trừ** (Xua đuổi): Phàm làm các việc, trước cần Tịch Trừ, sau đó mới có thể làm. **Tịch Trừ Chân Ngôn** là:

ॐ वज्रय ॐ न न व न म व ॐ मय मय ॐ  
ॐ

**Năng mô phạ nhật ra dã, hồng, hạ năng, đậu năng, mãn tha, vĩ đá bằng ta du, ta ra dã, hồng, phẩn tra** (Tụng 7 lần)

NAMO VAJRAYA (?VAJRÀYA) HÙM HANA DHUNA MADHA (?MATHA) VIDHVAMSAYU (?VIDHVAMSAYA) SARAYA (UDSARÀYA) HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay, ngón giữa ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trỏ dựa bên lóng giữa của ngón giữa, co ngón út dựa bên lóng giữa của ngón vô danh, duỗi cánh tay để trên đỉnh, quay theo bên phải 3 vòng và ấn 5 nơi trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình Phạ Nhật Ra (Vajra:Chày Kim Cương) để bên hông, chân đứng như Pháp trên. Đây là **Tịch Trừ Ấn**

\_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ वज्र त्र ॐ ॐ

**Úm, phạ nhật ra, đa ra, hồng, phẩn tra**

OM VAJRA TARA (?TÀRA) HÙM PHAT

Ấn Tượng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần. Đây là **Tịch Trừ Thủ Ấn**

\_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ किलिकिल रवद्र ॐ ॐ

**Úm, chỉ lệ chỉ la, phạ lão nại ra, hồng, phẩn tra**

OM KILIKILA RAVADRA (?RAUDRA) HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải búng ngón tay 3 lần

\_ Lại Pháp **Hộ Thân**: Dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn để kết Thập Phương

Ấn. **Hộ Thân Chân Ngôn**:

ॐ शक्र ॐ मय मय ॐ

**Úm, thương ca lệ, tam mãn diễm, soa ha**

(Đây là Hộ Thân Kết Giới Chân Ngôn)

OM 'SAKARA (?SAMKARE) SAMMAYAM (?SAMAYE) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở gọi là Phạ Nhật Ra Ấn ( Vajra: Kim Cang Tam Cổ Ấn) dùng kết phương trên, phương dưới và 8 phương giới dùng để Hộ Thân

\_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Dùng Ấn ở Thân của mình, nước, đất, các vật thành sạch sẽ thanh tịnh.

ॐ किलिकिल वज्र ॐ ॐ

**Úm, chỉ li chỉ li , phạ nhật ra, hồng, phấn tra**

OM KILIKILI (?KILIKILA) VAJRA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông , 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uế. Đây là **Khử Cấu Ấn** (Ấn trừ bụi dơ)

\_ Lại dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn làm thanh tịnh

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, am mật lật đế, hồng, phấn tra**

OM AMMRTA (?AMRTE) HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải nắm lại thành quyền, lấy nước tụng 7 biến dùng rưới vẩy trên các vật và trên đỉnh khiến được sạch sẽ.

\_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Dùng **Quang Trạch Chân Ngôn**:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, nhập phạ ra, nhập phạ ra dã, phạ nạp rị, soa ha**

OM JVALA JVALAYA BADHRRI (?BANDHURI) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón út, dựng đứng 3 ngón kia hở kẽ tay, duỗi cánh tay. Tay phải cũng kết Ấn này nâng cùi chỏ tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật và trên thân tức thành Quang Trạch (Sáng bóng loáng)

\_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn quậy nước

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, hồng, hạ năng, phạ nhật ra, phạ nhật lệ nĩa, ha**

OM HÙM HANA VAJRI VAJRENA HÀ

Ấn Tượng: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài, co các ngón nơi 2 lưng bàn tay, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, 2 ngón trở co đầu chạm móng nhau. Đây là **Ấn Quậy nước**

\_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn, lấy đất xoa thân. Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, bộ ra nhạ phạ ra, hồng**

OM BHÙR JVARA (?BHÙR JALA) HÙM

Ấn Tượng: Lấy đất hòa nước. Hai tay ngón cái đè móng ngón út, các ngón kia mở, 2 tay dựa vào nhau. Lấy tay phải xoa khắp thân. Đây là **Thủ Địa Đồ Thần Ấn** (Ấn lấy đất xoa thân)

\_ Lại Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn. Tụng **Thủy Chân Ngôn**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, a mật lật đế, hồng, phấn tra (7 biến)**

OM AMRTE HÙM PHAT

Ấn Tượng: Trước duỗi tay phải ngang bằng, co ngón giữa ngón vô danh đè móng ngón cái, co ngón trở và ngón út để bên ngón giữa và ngón vô danh, trì tụng Chân Ngôn. Đây là **Ấn Quậy nước** và **tắm gội**



\_ Lại Chân Ngôn và Thủ Ấn khiên trừ Tỳ Na Dạ Ca (Vinayàka: Loài gây chướng nạn) trong thân. Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृग हन हन ह्र ह्र

Úm, a mật lật để, hạ năng hạ năng, hồng, phấn tra

OM AMṚTE HANA HANA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, mỗi mỗi đều nắm thành quyền, duỗi 2 ngón trỏ cùng cái chéo nhau nhập vào trong hổ khẩu, dùng Ấn để từ đánh kéo xuống dưới chân rồi tách ra. Đây là Ấn **Khiên trừ Tỳ Na Dạ Ca trong thân**

\_ Lại dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn hộ 5 chỗ trên thân

ॐ वज्रग वरपय ह्र

Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nễ bát đa dã, soa ha

OM VAJRAGA (?VAJRA AGNI) PRADAPTÀYA (?PRADIPTÀYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai ngón út cái chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đờ 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trỏ bên lóng trên của ngón giữa cách nhau một hạt lúa, dựng thẳng 2 ngón cái dựa bên ngón giữa, ấn chạm 5 chỗ tức thành Hộ Thân.

\_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn , trì tụng mỗi mỗi phần đất

ॐ वृष वृष ऋयवृष वृषःःः ह्र

Úm, độ tỷ độ tỷ, ca dã độ tỷ, bát ra nhĩ phạ lý ninh, soa ha (3 biến)

OM DHRPI DHRPI KÀYADHRVI (?DHÙPE DHÙPE KÀYADHÙPE) PRAJVALINI SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai tay ngón trỏ và ngón út đều dựa nhau, co 2 ngón giữa 2 ngón vô danh trong lòng bàn tay. Hai tay đối xứng nhưng không chạm nhau , 2 ngón cái đầu chạm nhau. Ở chỗ để 3 cựa đất, lấy một cựa, dùng Ấn ấn đất, tụng 3 biến, chà từ chân đến rốn rồi chà tay, dùng nước rửa sạch, thứ hai thứ ba cũng vậy, chà và rửa sạch. Lại lấy cục thứ hai, như trên trì tụng 3 biến chà từ rốn đến cổ. Lại lấy cục thứ ba, như trên trì tụng, chà từ cổ đến đánh. Xong rồi lại tụng Chân Ngôn, tác Thủ Ấn và tẩm gọi. Lại tác Ấn và tụng Chân Ngôn chà khắp thân rồi xả Ấn ở trái tim. Đây gọi là **Bị Giáp Ấn**, tụng Thổ Ấn

\_ Lại Quân Trà Lợi Căn Bản Chân Ngôn. Dùng tay quậy nước, tùy ý tẩm gọi

ॐ ऋमृग वज्रपय मन् यरु  
मन्पय मन् वज्र वरय वृषवृष वृष वृषःःः ह्र  
ॐ वृष ऋमृ मृमृ वज्र पृषु पृषु ह्र ॐ  
ॐमृग वृषः वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष  
वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष  
वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष  
वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष वृष

वज्रम मत् खयय खययं खयय मत् खयय  
खयययययं ॐ ॐ कः कः खययय मत्

Na mô ra đất nằng đất ra dạ dã

Na mang thất chiến nũa phạ nhật ra trì nĩnh duệ, ma ha dực khất sa, tế nằng bát đa duệ

Na mô phạ nhật ra cu lộ đà dã, bát ra nha phạ lý đa, nễ bát đa, năng sất tra rô đắc ca tra bà dã, bội ra phạ dã, a tỷ, măn ta ra, phạ nhật ra, bát ra thâu, ba xã, hạ ta gia dã .

Đát điệt dã tha: Úm, a mặt lật đa quân noa lý, khư khư khư khư, khư năng khư năng khư năng khư năng, khư đà khư đà khư đà khư đà, khư tứ khư tứ khư tứ khư tứ, để sất tra để sất tra, hạ nằng hạ nằng, noa hạ noa hạ, bát dã bát dã, nghiệt lật hạ nũa nghiệt lật hạ nũa, man đà man đà, nghiệt ra nhạ nghiệt ra nhạ, đát ra nhạ đát ra nhạ, vĩ ta phổ tra dã vĩ ta phổ tra dã, bà già phạm, nằng một lật đa quân nũa lý, mẫu lật bà năm đa nũa dã, phạ nhật lệ nũa , tát ra phạ vi đà na dã, vi na dã kiếm ninh phạ ra dã, ma ha già na bát để, nhĩ vĩ nan đa, ca ra dã , hồng hồng, phẩn tra phẩn tra, cú rô đà căn nằng duệ, soa ha (3 biến)

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAḤ ‘SCAṄḌA VAJRAPAṆIYE MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHÀYA PRAJVALITA DIPTA DAMṢṬRATKOTÀ (?DAMṢṬROTKAṬA) BHAYA BHAIKAVAYA ASI MRṢALA (?MUSARA) VAJRA PARA’SU PA’SÀ (?PÀ’SÀ) HASTA (?HASTÀYA)

TADYATHÀ: OM AMṘTA KUḌOLI (?AMṘTAKUṄḌALI ) KHAKHA KHAKHA \_ KHANA KHANA \_ KHADA KHADA KHADA KHADA \_ KHAKI KHAKI KHAKI KHAKI (?KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI)\_ TIṢṬA TIṢṬA \_ HANA HANA \_ DAHA DAHA \_ PACA PACA \_ GRHAṆA GRHAṆA (?GRHṆA GRHṆA) \_ VADDHA VADDHA (?BANDHA BANDHA) \_ GARJA GARJA \_ TRAJA TRAJA \_ VISPHOTAYA VISPHOTAYA \_ BHAKHAVAMṆAMṘTAKUTALI (?BHAGAVAN AMṘTAKUṄḌALI) MURITANAMṬANUYA (?MURTA ANTANUYA) VAJRAṆA \_ SARVA VIGHNAYA VINAYAKÀṆ (?VINAYÀKA) NIVARAYA \_ MAHAKHANAPATI (?MAHÀ GAṆAPATI) JIVITAMṬAKÀRAYA (?JIVITA ANTAKARÀYA) \_ HÙM HÙM \_ PHAṬ PHAṬ \_ KRODHAGNAYE (?KRODHA AGNÀYE) SVÀHÀ

\_ Tự Quán Đảnh dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Tự Quán Đảnh Chân Ngôn là:

उं हः खललं ॐ कः

Úm, ha , khư lị lị, hồng , phẩn tra

OM HAḤ KHALALA (?KHAKILI) HÙM PHAṬ

Ấn Tướng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh đè trên 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu ngón bên 2 ngón trỏ. Dùng Ấn vốc nước, tụng Chân Ngôn 3 biến tự Quán Đảnh ( Tự rưới nước lên đánh đầu của mình)

\_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tự kết búi tóc

ॐ म(म)ह(ह) न(न) श(श)क(क)स(स)

Úm, tô tất địa yết li, sa phạ ha

OM SASIDDHI (?SUSIDDHI) KARI SVÀHÀ

Ấn Tướng: Tay phải nắm thành quyền, duỗi thẳng ngón cái, đem ngón trỏ đè trên ngón cái rồi quán lại như hình vái vòng, tụng 3 biến rồi để trên đánh tức thành kết búi tóc

.) Phật Bộ Kết Phát (Cột tóc) Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) न(न) श(श)क(क)स(स)

Úm, thi kỳ thi khế, soa ha

OM 'SAKHA 'SIGA (? 'SIKHI 'SIKHI) SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) न(न) श(श)क(क)स(स)

Úm, thi khế, soa ha

OM 'SIKHI SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn

ॐ म(म)ह(ह) न(न) श(श)क(क)स(स)

Úm, thi khư tá, soa ha

OM 'SIKHASYA SVÀHÀ

\_ Phàm tắm gội thời không nên tắm trong nước có bùn do vũng có gai, có trùng, không chảy nước ruộng. Lại không được tiểu tiện trong nước, không lợi giỡn, không được xem chỗ kín và tưởng chỗ kín của phụ nữ với các chỗ khác. Yên lặng mà tắm vì bỏ các cấu bẩn không vì trang nghiêm thân mà tắm

\_ Lại hiến 3 vốc nước. Sau khi tắm xong, hướng mặt về nơi Bốn Tôn ngự , quán niệm Bốn Tôn , trì tụng Chân Ngôn và tác Ấn. Dùng Ấn múc nước dâng hiến 3 vốc, tưởng tắm Bốn Tôn và hiến Ú Già. Hoặc ở trong nước tùy ý niệm tụng hướng về nơi Đạo Tràng

.) Phật Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ न(न)म(म)ो(ओ) ब(ब)ु(ड्)ध(ध)स(स)

Úm, đế ra lệ, phật đà, soa ha (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

OM TERALE BUDDHA SVÀHÀ

.) Liên Hoa Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ न(न)म(म)ो(ओ) ब(ब)ु(ड्)ध(ध)स(स)

Úm, ty ri ty ri, hồng, phẩn tra (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

OM BHIRI BHIRI HÙM PHAT

.) Kim Cang Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn

ॐ न(न)म(म)ो(ओ) ब(ब)ु(ड्)ध(ध)स(स)



ॐ वमले स्रन

**Úm, vi mãn la, soa ha**

OM VIMALI (?VIMALA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay phải nắm thành quyền, lấy nước trì tụng rồi rưới vẩy trên quần áo.

\_ Lại dùng Chân Ngôn trì tụng nơi quần áo rồi mặc

ॐ पारव वज्रि हूं

**Úm, bát rị phạ ra đa, phạ nhật rị ni, hồng**

OM PARIVARTA (?PARIVARTTA) VAJRINI HÙM

\_ Vào Thần Thất lễ bái. Hành Giả nhất tâm vào Đạo Tràng. Khi vào Thất rồi, hướng mặt về Bốn Tôn , chắp tay làm lễ. Trước tiên ở trong Thất đặt Tôn Dung của Bốn Tôn , hoặc Tháp hoặc đế Tòa, lễ bái xong thì cúng dường.

Lại bày biện các món cúng dường tức là đốt hương.... 5 thứ Ngũ Tịnh (5 món của con bò) , Thần Tuyền, nhẫn cỏ, tòa ngời, vật Ủ Già, chày Kim Cang, râu chuối, hạt cải trắng, dây lưng. Đây gọi là **Vật Cúng**

Khi vào Thất thời miệng tụng Chân Ngôn bước vào

ॐ ह्रस्व ग ह्रस्व हूं क

**Úm, nhập phạ lị đa , lộ giả năng, hồng, phẩn tra** (Tụng 7 biến thông cho cả 3 Bộ)

OM JVALATA (?JVALITA) LOCANA HÙM PHAT

\_ Lại nên tác Tam Ma Gia Chân Ngôn và Ấn

.) Phật Bộ Chân Ngôn

ॐ गण्डव गण्डव हूं

**Úm, đát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha** (Tụng 5 biến)

OM TATHAGATA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cạng bàn tay chạm nhau, hơi co lỏng trên của 2 ngón trỏ.

.) Tiếp nói Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ पद्म गण्डव हूं

**Úm , bát na mô na bà phạ dã, soa ha** (Tụng 5 biến)

OM PADMÀ DBHAVÀYA (?PADMA UDBHAVÀYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay. 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co. .) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Ấn

ॐ वज्र गण्डव हूं

**Úm, phạ nhật lộ na bà phạ dã, soa ha** (Tụng 5 biến)

OM VAJRA UDBHAVÀYA SVÀHÀ

Ấn Tượng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái , ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cổ Kim Cang) .

\_ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tịch trừ Tỳ Na Dạ Ca trong thân.  
Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृग हन हन हूं ह्रूं

Úm, am mật lạc đê, hạ năng hạ năng, hồng, phấn tra

OM AMMRTE (?AMRTE) HANA HANA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, từ ngón giữa trở xuống nắm lại thành quyền, duỗi 2 ngón trở , phải trái cài chéo nhau nhập vào trong Hổ Khẩu. Dùng Ấn từ trên đánh kéo xuống đến chân

\_ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tịch trừ

ॐ वज्रय हूं हन वृन मय वृमय सरय ह्रूं

Năng mô phạ nhật ra dã, hồng, hạ năng, độ năng, mãn tha, vĩ đặc  
mộng ta du ra dã, phấn tra (7 biến)

NAMO VAJRAYA (?VAJRÀYA) \_ HÙM \_ HANA DHRNA (?DHUNA)  
MATHÀ (?MATHA) VIDHVAMŚAYÀ (VIDHVAMŚAYA) SARAYA  
(?UDSARÀYA) PHAT

Ấn Tượng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay , ngón giữa và ngón vô danh đè ngón cái , co ngón trở chạm bên lóng giữa của ngón giữa, co ngón út chạm bên lóng giữa của ngón vô danh, duỗi thẳng cánh tay, xoay trên đầu 3 vòng theo bên phải, ấn 5 chỗ trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình chày Kim Canh, chống tay ở hông, Pháp đứng như trước.

\_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ वज्र ताल हूं ह्रूं

Úm, phạ nhật ra, đa ra, hồng, phấn tra

OM VAJRA TALA (?TÀRA) HÙM PHAT

Ấn Tượng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần.

\_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ किलिकिली वज्र हूं ह्रूं

Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ lão nại ra, hồng, phấn tra

OM KILIKILI RAVA RAUDRA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải búng ngón tay 3 lần

Tại sao gọi là **Tịch Trừ** ? Tức là hương hoa, y áo, các thứ có nạn phải trừ đi để cho sạch sẽ.

\_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn trừ bỏ dơ bẩn (Khử cấu)

ॐ किलिकिली वज्र हूं ह्रूं

Úm, chỉ rị chỉ rị , phạ nhật ra, hồng, phấn tra

OM KILIKILI (?KILIKILA) VAJRA HÙM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông , 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uest. Đọc **Chỉ rị chỉ rị** (Kili kili ) rất mạnh là xua đuổi.

\_ Lại làm thanh tịnh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn , làm quyền lấy nước , tụng 7 biến, rưới vẩy các vật khiến được thanh tịnh.

.) Phật Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ ऋ ऌ ॡ

Úm, nhĩ năng, nhĩ ca

OM JINA JIK

.) Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ म्ब्रह्म

Úm, a rô lực ca

OM ALOLIK (?AROLIK )

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn

ॐ वज्र धृ

Úm, phạ nhật ra, tri lặc ca

OM VAJRA DHRK

\_ Lại làm Quang Trạch. Trì tụng Chân Ngôn và tác Ấn, dùng ấn khiến cho các vật thành quang trạch

.) Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ गरु गरु म्ब्रह्म म्ब्रह्म म्ब्रह्म ॐ ह्र

Úm , đế thệ đế nhạ , tử vĩ ninh, tử đế ta đà dã, hồng, phẩn tra (3 lần)

OM TEJE TEJE SIVINI SIDDHE SADHAYA (?SÀDHAYA) HÙM

PHAT

.) Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ दीप दीप दीपय मह म्ब्रह्म

Úm, nễ tử dã nễ tử dã, nễ bí dã, ma ha thất rị duệ, sa phạ ha (3 biến)

OM DÌPYA DÌPYA DIPAYA MAHÀ 'SRYE (?SRÌYE) SVÀHÀ

.) Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn

ॐ ज्वा ज्वाय वज्र म्ब्रह्म

Úm, nhập phạ la, nhập phạ la dã, mẫn độ li, sa phạ ha (3 biến)

OM JVALA JVALAYA BÀÐARI (?BANDHURI) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi hở, duỗi cánh tay về phía trước. Tay phải cũng vậy để dưới tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật, tức thành Quang Trạch. Ấn này thông cho cả 3 Bộ.

\_ Lại tác Hộ Thân. Kết Minh Vương Thủ Ấn , tụng Chân Ngôn ấn đánh và 5 chỗ , khiến thành hộ thân kiên cố .

ॐ वज्र म्ब्रह्म म्ब्रह्म म्ब्रह्म

Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nễ bát đa dã, soa ha (3 biến)

OM VAJRA GNI(?AGNI) PRADIPTAYA (?PRADIPTÀYA) SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đè 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trở















## **TÔ TẮT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP** **QUYỂN THỨ HAI**

**Phạn Hán: Tam Tạng Pháp Sư THIÊN VÔ ÚY**  
**Việt dịch : Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ**  
**Dịch Phạn Chú: HUYỀN THANH**

\_ Lại Trừ Khiển Tùy Ma Pháp . Có Tỳ Na Dạ Ca (Vinayàka) theo chư Tôn. Thỉnh Bốn Tôn đến liền dùng **Chỉ Lị Chỉ Lị Chân Ngôn** và Ấn mà trừ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật ra, hồng, phẩn tra (7 biến)**

**OM KILI KILI VAJRA HÙM PHAT**

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình Bạt Chiết La (Vajra:Chày Tam Cổ) hướng ra ngoài. Dùng Chỉ Lị Chỉ Lị La Kim Cang (Kilikila Vajra) Chân Ngôn và Ấn mà trừ khiển

\_ Lại xem Tam Ma Gia (Samaya) . Làm Trừ Khiển xong, dùng tay phải xem Ấn tụng Chân Ngôn khiển đứng lại

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, thẳng yết lị, tam ma điểm, soa ha (7 biến)**

**OM 'SAMKARE SAMAYAM SVÀHÀ**

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình Bạt Chiết La (Vajra) hướng ra ngoài.

\_ **Dâng Tò** mời ngời: Trước tiên hiến Ứ Già , sau đó mời ngời. Vật Ứ Già dùng Bốn Chân Ngôn trì tụng rồi hiến, hoặc dùng chung Ứ Già Chân Ngôn trì tụng tùy theo sự thành tựu sai khác. Dâng Ứ Già nên để ở trái tim cho đến đầu gối mà dâng hiến

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, được khát sam năng na dã, kiển nại la, đạt nổ, bát rị dã, bát xá bát xá, soa ha**

**OM YAKṢA (?YAKṢAM) NADAYA (?NADÀYA) KATRA (?KANDA) DHANUPRIYA (?DHANUPṚYA) PA'SÀ (?PA'SYA) PA'SÀ SVÀHÀ**

Ấn Tượng: Dùng Hộ Thân Ấn, đổi lại ngón cái để bên ngón trỏ.

Vào 3 thời: Sáng, chiều, giữa Ngọ dùng Chân Ngôn Thủ Ấn dâng tòa sen cúng dường Bốn Tôn

.) Phạt Bộ Phụng Tò Chân Ngôn

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

**Úm, vị ra, vị ra dã, soa ha**

OM VIRA VĪRAYA (?VĪRĀYA) SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn

ॐ वरि वरिय वरि

Úm, bát na man, vĩ ra dã, soa ha

OM PADMA VĪRAYA (?VĪRĀYA) SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Phụng Tòa Chân Ngôn

ॐ वरु वरिय वरु

Úm, phạ nhật ra, vi ra dã, soa ha

OM VAJRA VĪRAYA (?VĪRĀYA) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay mở rộng ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh , mở rộng lòng bàn tay cách nhau ; 4 ngón tay (2 ngón cái, 2 ngón út) dựa nhau đứng thẳng. Ấn này thông cho cả 3 Bộ dâng hiến Liên Hoa Tòa

Lại nói:” *Thiện Lai Thế Tôn* (Đức Thế Tôn khéo đến). *Do sức Bốn Nguyên mà đến nơi đây, cúi xin gia trì . Tha hồ mời thỉnh cùng nhận nơi con các món cúng dường, khởi Đại Từ Bi, cúi xin nạp thọ”*

Nếu bày biện quần áo, Anh Lạc dùng Biện Sự Chân Ngôn trì tụng mà phụng hiến

\_ Pháp **Kết Giới** : Dùng Kim Cang Xuyên (Cái then cài) kết Địa Giới, Dùng Kim Cang Tường kết phương trên.

Kim Cang Xuyên Chân Ngôn:

ॐ वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु

Úm, chỉ li chỉ li, phạ nhật ra, bạt chiết li, bộ ra, mãn đà mãn đà, hồng, phấn tra (3 biến)

OM KILI KILI VAJRA VAJRI BHŪRA BANU BAḌA (?BHŪR BANDHA BANDHA) HŪM PHAT

Ấn Tượng: Tay trái ngón giữa, ngón vô danh hướng ra ngoài nhập vào kẽ giữa ngón vô danh, ngón giữa của tay phải. Dem ngón vô danh trái quấn ngón vô danh phải, lưng ngón tay nhập vào lòng bàn tay phải. Ngón giữa trái quấn ngón giữa phải, lưng ngón tay nhập vào lòng bàn tay phải. 2 ngón út và 2 ngón trỏ dựa nhau, 2 ngón cái đứng thẳng đụng đầu nhau. Dùng Ấn phụ 2 cánh tay, 2 ngón cái chấn đất, tụng Chân Ngôn thành **Kết Địa Giới**

\_ Lại dùng Kim Cang Câu Lan Chân Ngôn và Thủ Ấn để kết Phương trên

ॐ वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु

Úm, vi sa phổ ra na ra khát sa, phạ nhật ra, bán nhạ ra, hồng, phấn tra (3 biến)

OM VISPHURAD RAKṢA PAMJARA (?PAMJALA) HŪM PHAT

Ấn Tượng: Y Xuyên Ấn trên chỉ đổi lại ngón cái phụ bên 2 ngón trỏ. Đưa Ấn hướng lên trên, tụng Chân Ngôn thành **Kết Giới nơi hư không** . Đây là Kim Cang Câu Lan Tường Ấn

\_ Kim Cang Tường Chân Ngôn Thủ Ấn

ॐ वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु

**Úm, tát ra tát ra, phạ nhật ra, bát ra ca ra, hồng, phấn tra (3 biến)**

OM SARA SARA VAJRA PRAKARA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Y Xuyên Ấn trên chỉ đổi lại 2 ngón cái mở ra đứng thẳng. Đưa Ấn từ bên phải xoay 3 vòng và tụng Chân Ngôn thành tựu Kim Cang Tướng. Đây là Kim Cang Lư (cái lò lửa) Ấn

\_ Lại dùng Kim Cang Quyển Sách Chân Ngôn Ấn kết Giới phương Đông

ॐ वज्र च क्षि प्रपन्न मन्त्रे

**Úm, bạt chiết la bà xả, hật rị, già già na, ma ra, hồng (3 biến)**

OM VAJRAPA (?VAJRAPA'SA) HRĪḤ GAGANA MALA HŪM

Ấn Tượng: Tay trái co ngón trở dựa vào gốc ngón cái, duỗi thẳng ngón cái đè móng ngón trở mở thành vòng tròn, 3 ngón kia cùng đứng mở rộng. Tay phải cũng vậy, đem lưng 3 ngón tay kia để trong 3 ngón tay trái

\_ Lại dùng Kim Cang Phan kết Giới phương Tây

ॐ पञ्चमहा इन्द्र

**Úm, bát đăng kỳ ni, ra tra (3 biến)**

OM PANUMGINI (?PATAMGINI) RAT

Ấn Tượng: Tay trái nắm quyền dựng thẳng ngón cái. Tay phải duỗi 5 ngón để bên trên đầu ngón cái trái, lòng bàn tay hướng vào thân kết Giới phương Tây

\_ Lại Kim Cang Ca Lợi Chân Ngôn Ấn kết Giới phương Bắc

ॐ वज्र ह्रीं इन्द्र मन्त्रे

**Úm, phạ nhật ra, ca lị, ra tra, man tra (3 biến)**

OM VAJRAKALI RAT MAT

Ấn Tượng: 2 ngón cái, 2 ngón út chạm đầu nhau. Co các ngón kia hướng vào lòng bàn tay, lưng các ngón không chạm nhau cũng không chạm lòng bàn tay, kết Giới phương Bắc

\_ Lại dùng Kim Cang Phong Chân Ngôn kết Giới phương Nam

ॐ वज्र प्रपन्न इन्द्र मन्त्रे

**Úm, phạ nhật ra, thi khư ra, rô tra, mẫn tra (3 biến)**

OM VAJRA 'SIKHARA RUṬ MAT

Ấn Tượng: Tay trái nắm lại thành quyền, duỗi thẳng ngón cái. Tay phải cũng vậy để trên đầu ngón cái trái. Ngón cái phải và ngón trở phải vịn đầu nhau, y Ấn này kết Giới phương Nam, chỉ đổi lại tay phải từ ngón giữa trở xuống duỗi thẳng 3 ngón. Đây cũng gọi là Phong Ấn

\_ Lại dùng Chân Ngôn tụng 7 lần vào lòng bàn tay phải, đưa ngón tay chạm đất thành kết Giới phương dưới (Hạ Phương). Ngửa bàn tay vỗ lên trên thành kết Giới phương trên (Thượng Phương)

ॐ ह्रीं इन्द्र मन्त्रे

**Úm, thương yết lệ, tam mẫn diễm, soa ha (7 lần)**

OM 'SAMKARE SAMAYAM SVÀHÀ

\_ Lại dùng A Tam Man Kỳ Ninh Chân Ngôn và Ấn nếu dùng Hỏa Viện



ॐ मममंगिनि ह्रीं हूं ह्रूं

Úm, a tam man kỳ ninh, ha lợi, hồng, phẩn tra (3 biến)

OM ASAMAMGINI HRÌH HÙM PHAT

Ấn Tướng: Lưng các ngón tay phải để trong ngón tay trái, 2 ngón cái hướng thẳng lên trên, xoay Ấn qua phải một vòng thành Hỏa Viên

\_ Lại dùng Ấn Chân Ngôn kết Đại Giới

ॐ म्म म्म म्म म्म म्म

Úm, thảng yết lệ, man ha tam ma diễm, soa ha (7 lần. Đây là Tam Trùng Giới Nội Kết Đại Giới Chân Ngôn)

OM 'SAMKARE MAHÀ SAMAYAM SVÀHÀ

ẤN Tướng: Hai tay ngón út, ngón vô danh cài chéo nhau trong lòng bàn tay, duỗi thẳng 2 ngón giữa chạm đầu nhau, co 2 ngón trở để ở lưng lóng trên của ngón giữa, không chạm vào ngón giữa như chày ba chia, 2 ngón cái để bên 2 ngón trở. Chuyển khắp 8 phương, trên, dưới. Lại tụng Chân Ngôn thành kết Đại Giới

Như vậy làm xong. Giả sử gần Luân Vương Phật Đảnh và các Chân Ngôn tương nghịch khác cũng không thể gây hoại, không làm mất oai lực của Bồ Tôn. Các Chân Ngôn Phá Minh, cột trời và Pháp trừ bỏ của chư Hữu đều không có dịp thuận tiện gây hại.

\_ Lại đủ Phạ Nhật Ra tức là chày Kim Cang, râu chuỗi, nhẫn, dây lưng, vòng đeo tay, hoa sen, cờ xí....dùng nước thơm làm Tịnh, hoặc các thứ khác làm Tịnh, dùng Bồ Tôn Chân Ngôn mà trì tụng. Khi niệm tụng và khi Hộ Ma đều cần chuẩn bị đầy đủ các vật trên

\_ Lại nói **Thành Tựu Bạt Chiết La** và **các vật**. Bạt Chiết La tùy theo tương ứng để trong đồ đựng đặt trước mặt, an trên Tòa. Dùng Bạch Đàn, Uất Kim, Tử Đàn tùy theo Bộ Loại mà bôi xoa. Lại dùng hương hoa... cầm mà cúng dường, thỉnh Kim Cang ... Chân Ngôn Chủ, dùng Chân Ngôn ấy trì tụng hương hoa mà cúng dường. Lại tụng ngàn biến gọi là thành tựu.

Bạt Chiết La Chân Ngôn

ॐ वज्र वज्र ह्रूं

Úm, độ năng, phạ nhật ra, ha

OM DHUNA VAJRA HÀ (?HAH)

Bạt Chiết La :Dùng Tử Đàn làm ba chia, trì tụng ngàn biến

\_ Phật Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn

नामो रत्नत्रयै उं म्म म्म म्म म्म म्म

Na mô ra dát na dát ra dạ dã. Úm, ứ na bạt đế, vi nhạ duệ, tất địa, đà lạt thế, soa ha

NAMO RATNATRAYÀYA

OM ADBHUTE VIJAYE SIDDHI SIDDHATHE (?SIDDHA ARTHA) SVÀHÀ

\_ Liên Hoa Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn

ॐ नमः पद्मपद्म उं नमः नमः इत्य इत्य इत्य इत्य

Na mô bát trì mã n trì noa duệ. Úm, am bà một lị đăm nghiêm mô, thất lị duệ, thất lị mang lý nễ, soa ha

NAMO PADMAPANAYE (?PADMAPANAYE)

OM AMRTA GAME (?ANGA ME) 'SRÌYE 'SRÌMALINI SVÀHÀ

\_ Kim Cang Bộ Tịnh Sở Châu Chân Ngôn

ॐ नमः पद्मपद्म नमः इत्य इत्य इत्य इत्य  
मन्त्रपद्म उं क्रि क्रि क्रि इत्य इत्य

Na mô ra đát nãng đát ra dạ dĩa.

Na ma thất chiến nĩa phạ nhật ra trì nĩnh duệ, ma được khát xoa, tế na bát đa duệ.

Úm, chỉ lị chỉ lị, lau nại rị vĩ, sa ha

NAMO RATNATRAYÀYA

NAMA (?NAMAḤ) 'SCAṆḌA VAJRAPANAYE (?VAJRAPANAYE)

MAHÀ YAKṢA SENAPATAYE

OM KIRI KIRI (?KILI KILI) RAUDRIṆI SVÀHÀ

Mỗi dãng 3 Bộ Tịnh Châu Chân Ngôn. Tùy theo Bốn Bộ Chân Ngôn sâu qua lỗ của hạt châu, mỗi một hạt tưng 7 biến cho đến khi sâu xong, lại tưng Chân Ngôn trăm biến. Sau đó lại như Pháp trên mà Tịnh Sở Châu, tiếp dùng Chân Ngôn này làm thành tự

\_ Phật Bộ Thành Tự Sở Châu Chân Ngôn

उं नमः भगवते शुभं सुखं सुखं सुखं

Úm, na mô bà nga phạ đế, tô tất địa , sa đà dĩa, tất đà lật thế, soa ha

OM NAMO BHAGAVANI (?BHAGAVATI) SUSIDDHE (?SUSIDDHI)

SIDDHA RTHA (?ARTHA) SVÀHA

\_ Liên Hoa Bộ Thành Tự Sở Châu Chân Ngôn

उं वसु मति इत्य पद्म मल्लि इत्य

Úm, phạ tô mãn đê, thất lị duệ, bát lặc mãn man lý nễ, soa ha

OM VASU MATI 'SEYE (?SRÌYE) PADMA MALINI SVÀHÀ

\_ Kim Cang Bộ Thành Tự Sở Châu Chân Ngôn

उं वज्रं कुरु इत्य इत्य

Úm, phạ nhật ra , nhĩ đăm nhạ duệ, soa ha

OM VAJRA JITAM JAYE SVÀHÀ

Dùng Thành Tự Sở Châu Chân Ngôn này thỉnh Bốn Bộ Chân Ngôn ở trên Sở Châu cho đến cúng dường, trì tưng ngàn biến dùng làm thành tự

\_ Lại nói Ấn Tướng cầm Sở Châu: Tay phải ngón cái vịn đầu ngón vô danh, duỗi thẳng ngón giữa, ngón út, hơi co ngón trở chạm bên lóng trên của ngón giữa. Ấn này thông cho cả 3 Bộ. Đây là dùng Phật Bộ Sở Châu Ấn

Lại nói Ấn Tướng cầm Sở Châu Liên Hoa Bộ: Tay phải ngón cái vịn đầu ngón giữa, duỗi thẳng 3 ngón kia. Tay trái cũng vậy









\_ Lại trước nói làm sạch... cho đến Quang Trạch, Nhiên Đăng (Đốt đèn) dùng Chân Ngôn này và Bốn Chân Ngôn trì tụng, kết Thủ Ấn mà phụng hiến

Phụng Nhiên Đăng Chân Ngôn

ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः

Ra cật sô, cật năng sái dã, bễ vĩ đát ra, thất dã, đởm mô vĩ đàm mẫn năng thâu bà mẫn dạ, ninh phệ nễ đố, bạt cật để dạ, nê báo diêm, bát ra cật để hê dã nan

Úm, a lộ ca dã, a lộ ca dã, tát ra phạ vĩ nễ dạ đát ra, bố nhĩ để, soa ha (7 biến thông cho cả 3 Bộ)

RAKṢOGHNA'SCA PAVITRA'SCA NAMMOVIDHAM (?TAMOVIDHAM) MANAḤ 'SUBHA MAYA NIVEDITO BHAKTYA DITHOYAM (?DIPOYAM) PRATIGRHYANAM

OM ALOKA ALOKA (?ĀLOKA ĀLOKA) SARVA VIDYADHARA (?VIDYADHĀRI) PŪJITE SVĀHĀ

Ấn Tượng: Tay phải nắm quyền, duỗi ngón giữa, ngón cái vịn nhau đứng thẳng. Đây là **Phụng Nhiên Đăng Ấn** thông cho cả 3 Bộ

.) Phật Bộ Phụng Đăng Chân Ngôn

ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः

Úm, a mẫn na kiêm để để nhĩ ninh, soa ha (7 biến)

OM AMALA KĀṀTI TEJINI SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Phụng Đăng Chân Ngôn

ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः

Úm, chiến an ni ninh như ta năng ra ri, hồng, phẩn tra (7 biến)

OM CAṆḌA NIJOSTĀ KARI HŪṀ PHAṬ

.) Kim Cang Bộ Phụng Đăng Chân Ngôn

ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः ॐ ह्रीं श्रीं चक्राय नमः

Úm, vĩ phạ lật đa lộ dã năng, hồng, phẩn tra (7 biến)

OM VIVṀTA LOCANA HŪṀ PHAṬ

\_ Lại Chân Ngôn và Thủ Ấn vận Tâm cúng dường nếu không bày biện Đồ Hương..... đến đèn sáng cúng dường. Chỉ tụng như trên mà hiến Đồ Hương.... Các Chân Ngôn, Thủ Ấn cũng thành cúng dường đầy đủ.

\_ Lại vận Tâm cúng dường tức là dùng Tâm mà tưởng các hoa nơi nước, không có chủ , đầy khắp cả 10 phương hư không và dùng mây hương thù diệu của Trời Người, hương đốt, đèn sáng , cờ xí, lọng báu, các thứ kỹ nhạc ca vịnh hát xướng, chân châu, lưới võng, treo các chuông báu, hoa, chuông mõ, phất trần, lưới, cây báu Như Ý; mây quần áo, âm nhạc của chư Thiên , cung điện, lầu gác, trụ báu trang nghiêm, chuỗi Anh Lạc, mào đội của chư Thiên như vậy như mây. Hành Giả vận Tâm tưởng đầy cả hư không. Dùng phương cách này thành tâm cúng dường là hơn hết cho đến Hành Giả dùng tâm quyết định mà

làm Pháp này , vận Tâm cúng dường , trì tụng Chân Ngôn và kết Ấn thì nơi  
tưởng như trên đều thành tựu

Chân Ngôn là:

ॐ सरवथा खम उदगते स्पहारा हिमाम्  
गगनाकाम् स्वहा

Úm, tát ra phạ tha kham, ốt na nghiệt đế , sa bạt ra, hê môn, già già  
năng kiếm, soa ha (7 biến)

OM SARVATHÀ KHAM UDGATE SPHARA HIMAM  
GAGANAKÀM SVÀHÀ

Ấn Tượng: Hai tay chấp lại, cài chéo các đầu ngón tay, bên phải đè bên  
trái, rồi để trên đỉnh. Đây là **Thành Tựu Vận Tâm Cúng Dường Thủ Ấn**

\_ Phàm làm cúng dường nên đủ Pháp cho đến thành tâm và hiến Ứ Già  
đều dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn trì tụng thành tựu, vận Tâm chấp tay để trên  
đỉnh mới thành Pháp cúng dường đầy đủ

\_ Lại Pháp **khen ngợi** (tán thán): Trước tiên phát lòng tin chí thành, trân  
trọng khen ngợi Phật Đức cùng Pháp Tăng, Quán Tự Tại, Kim Cang Bồ Tát...

\_ Khen công đức của Phật

*Đấng Đại Bi cứu đời*

*Đại Sư của tất cả*

*Biển Công Đức vô biên*

*Con cúi đầu đảnh lễ*

\_ Lại khen Đức của Pháp

*Pháp thanh tịnh ly dục*

*Hay trừ các đường ác*

*Chân Tịch Đệ Nhất Nghĩa*

*Cúi đầu y theo Pháp*

\_ Lại khen Đức của Tăng

*Khéo được Đạo giải thoát*

*Diệu trụ các Giác Địa*

*Lương Phước đều hơn hết*

*Nay con xin quy mạng*

\_ Lại khen Quán Tự Tại

*Chư Phật đại cát tường*

*Đầy đủ nơi Tôn Đức*

*Hiệu là Quán Tự Tại*

*Quy y thường tịch nhiên*

\_ Lại khen Chấp Kim Cang

*Sức mạnh rất giận dữ*

*Thành tựu Đại Minh Vương*

*Điều phục kẻ khó điều*

*Quy y Chấp Kim Cang*



Trước tiên Quy Y chư Đại Bồ Tát , nếu muốn khen ngợi thì tùy ý theo như Kinh mà khen ngợi. Muốn khen ngợi các Bồ Tôn khác cũng nên y theo Kinh

\_ Lại sám hối các tội, tùy hỷ các phước, thỉnh triệu, khuyến thỉnh thường trụ ở đời lợi lạc Hữu Tình

\_ Lại quy mệnh Tam Bảo, phát Tâm Bồ Đề, phát Nguyện

.) Đầu tiên là **Sám Hối** : *Cúi xin mười phương hết thấy chư Phật, chư Đại Bồ Tát, La Hán Thánh Tăng thường nhớ nghĩ đến con, thường chứng biết cho con. Hoặc trong đời này, hoặc trong đời trước , từ vô thủy sanh tử đến nay theo Tham Sân Si , hết thấy phiền não làm não loạn thân tâm, tạo nhiều tội lỗi nơi Phật Pháp Tăng, cha mẹ, sư trưởng cùng chư Bồ Tát, hết thấy Thánh Nhân và các loại chúng sanh có Đức không Đức; chạy theo ba Nghiệp tạo các tội nặng tự làm hoặc bảo người khác làm, thấy làm tùy hỷ. Các tội như vậy nhiều vô lượng vô biên. Nay đối trước chư Phật Bồ Tát , thành tâm phát lộ trần trọng sám hối. Một khi sám hối rồi, sau không làm nữa. Cúi xin mười phương hết thấy chư Phật, chư Đại Bồ Tát Từ Bi chứng biết , tội chướng tiêu trừ.*

.) **Quy Y Tam Bảo** : Vì trừ các khổ cho chúng sanh nên quy y Tam Bảo. Như đây nhớ niệm Tam Bảo, các Ân Đức, dùng đầu đánh chạm đất Quy Y. Nói lời như vậy:

*"Con..... nguyện từ thân này cho đến khi ngồi ở Bồ Đề Đạo Tràng, quy y Như Lai , ba Thân Vô Thượng. Quy y Mười Phương Quảng Đại Thừa Pháp Tạng. Quy Y hết thấy Bất Thoái Bồ Tát Tăng. Cúi xin mười phương hết thấy chư Phật, chư Đại Bồ Tát Từ Bi nhiếp thọ"*

Nên theo như đây Quy y Tam Bảo

.) **Phát Tâm Bồ Đề** : *Bồ Đề Tâm đây gọi là Vô Thượng Đại Thừa Chứng Tử , hay ban cho chúng sanh Cam Lộ giải thoát , Diệu Quả nên trân trọng tiến tu hay sanh Tất Địa. Vì muốn đoạn trừ vô lượng các khổ của chúng sanh trong ba cõi, không nhiễm phiền não, vượt khỏi ba đường ác, thọ thân Tam Hữu chịu vô lượng khổ. Nay con vì làm nơi che chở cứu giúp. Kẻ không có nơi nương tựa, không có chủ thời con sẽ làm chỗ cho nương dựa. Kẻ vượt biển sanh tử thời con sẽ làm Thuyền Sư. Kẻ bị lạc đường thời con sẽ làm người chỉ lối. Kẻ không có ai cứu độ thời con sẽ cứu hộ trừ khổ ban cho vui sướng. Hết thấy chúng sanh có các Phiền Não và Tùy Phiền Não thời con đều trừ diệt, luôn nhớ nghĩ Nghiệp Thiện, không nhớ Ác Duyên. Các thứ công đức Trí Tuệ trang nghiêm nơi thân, sáu Ba La Mật thường tu không gián đoạn, nhiều ích chúng sanh, cùng tu Phước này. Con trong đời này và các đời khác: Phước Trí đã tu nhiều ích chúng sanh. Nơi có Phiền Não và Tùy Phiền Não đều khiến tôi phục. Siêng tu các Thiện Phẩm cho đến Bồ Đề không nghĩ nhớ các duyên không Thiện Tâm*

Y theo đây mà phát Tâm Bồ Đề

.) Sau lại tu hành Từ Bi Hỷ Xả, luôn trụ trong thanh tịnh, thường nhớ sáu Niệm, xem xét nơi Tâm đúng lý Niết Bàn, vọng tưởng sở chấp thấy đều bỏ hết

.) **Phát Thẳng Nguyên:** *Như chư Bồ Tát tu hành các Thiện Phẩm, phát Thẳng Nguyên rộng, nhiều ích Chúng sanh. Con có các việc Thiện cũng y như vậy. Lại nguyện hay trừ hết thảy các khổ Địa Ngục của chúng sanh, tròn đầy Phước Đức, chứng niềm vui của Niết Bàn. Lại nguyện các chúng sanh được nhiều tào bảo, thường luôn bố thí, đầy đủ Trí Tuệ, thường ôm lòng nhẫn nhục, ham thích làm các việc Thiện, được Túc Mạng Trí, Bi niệm Hữu Tình. Nguyện các chúng sanh sanh ở nơi đâu thường được các thắng sự như vậy.*

\_ Quán Đảnh Ấn Tướng: Hai tay 2 ngón Địa (ngón út) cài chéo nhau nhập vào lòng bàn tay, 2 ngón Thủy (ngón vô danh) đè trên, dựng thẳng 2 ngón Hỏa (ngón giữa) chạm đầu nhau, co 2 ngón Phong (ngón trỏ) để ở lưng 2 ngón Hỏa (ngón giữa) không chạm nhau, thẳng 2 ngón Không (ngón cái) để dưới lòng thứ hai của 2 ngón Hỏa (ngón giữa) liền thành. Đây là **Quân Trà Lợi Thân Ấn** Dùng Ấn vốc nước, niệm Chân Ngôn 7 biến hoặc 21 biến, 108 biến tùy ý tầm gọi.

\_ Lại nói Ấn Tướng khác. Tay Quán (tay phải) ngón Không (ngón cái) nắm ngón Địa (ngón út) , thẳng 3 ngón kia như hình chày ba chia. Đây là **Quân Trà Lợi Yết Ma Ấn**

\_ Gia trì Đất sau đó thêm văn của 2 Ấn. Văn của Ấn ấy nói là: Nội Phộc (Cài chéo các ngón tay bên trong rồi nắm lại thành quyền) 2 Địa (ngón út) hợp đầu ngón như hình Chày, dùng chạm đất, 3 lần hạ xuống tức là Ấn này.

\_ Lại có Ấn: Nội Phộc, kèm duỗi hợp 2 Không (ngón cái) 2 Phong (ngón trỏ), Không (ngón cái) hợp bên trong Phong (Ngón trỏ) , 2 Địa (ngón út) cũng duỗi hợp. Liền dùng Ấn ở trên mặt đất chuyển bên phải 3 vòng tức thành Kết Hộ. Tiếp theo đến **Tịch Trừ Ấn**. Ở mỗi một Thời , như Pháp niệm tụng.

\_ Lại thêm **Pháp Yếu Niệm Tụng** :Có 4 thứ tức là **Chữ Số Niệm Tụng** , **Thời Số Niệm Tụng**, **Tướng Mạo Niệm Tụng**, **Tăng Gia Niệm Tụng**. Niệm tụng xong rồi tùy theo chỗ mong cầu thành tựu, trân trọng cầu xin. Sau đó niệm tụng **Hộ Ma** y như Pháp nên hay đầy đủ các điều cầu xin tùy ý thành tựu. Dù cho Bốn Pháp không nói Hộ Ma , vì cầu Tất Địa nên y theo Pháp mà làm.

\_ **Vật thành tựu** có hai loại: Một là Thư Hoàng, Chu Sa, các loại. Hai là Tâm Ý tịnh tùy theo lòng ưa thích vật gì. Y theo Pháp đơn giản chọn lựa làm Tịnh, cầu các Thẳng Duyên , mỗi mỗi y theo Bốn Pháp , gia trì như Pháp, Quán Đảnh đủ 3 Duyên tức là nói **Thuốc, vật** và **Tự Thân** đủ 3 duyên này mới có thể cầu Tất Địa. Trước tiên quán mỗi một tướng trong ngoài, đủ hạnh Tinh Tiến , y Giới của Chân Ngôn để trừ vô lượng nghiệp Bất Thiện cho nên y theo Giáo tụng tu Pháp Bạch Tịnh khiến tội tiêu trừ rồi mới tụng Chân Ngôn cho đến được Tất Địa Thành Tựu. Lại khiến tăng trưởng Nghiệp Bạch Tịnh khiến cho thật tròn đủ rồi nên y theo Pháp trì tụng Chân Ngôn cho đến khiến được thành tựu Tất Địa.

\_ Như **Quán Tâm** : Y trụ một cảnh, buộc niệm chuyên chú tưởng đầu mũi không cho tán loạn, Tam Muội tương ứng, người trì tụng cũng nên như vậy, do Tâm cột buộc tưởng , bày ở Chân Ngôn . Dùng **Cấm Duyên** này sẽ được thành tựu.

\_ Làm **Thành Tựu** : là đầy đủ Tọa Cụ và Chân Ngôn. Vào ngày mồng tám, ngày 14, ngày 15 của kỳ Bạch Nguyệt (15 ngày đầu của tháng) , ngày Nhật Tục, Nguyệt Thực , ngày động đất, ngày mồng một cho đến ngày 15 . Các ngày như vậy làm Pháp thành tựu, y theo Bốn Pháp cần phải đầy đủ. Trước đã chọn được chỗ đất tốt, ở ngay chỗ ấy làm Pháp **Kết Hộ** tùy theo Pháp Tắt Địa, tạo Mạn Đà La (Maṇḍala:Đàn Tràng) , y nơi Trì Minh và các Pháp Mạn Đà La , an **Thập Phương Thần** (các vị Thần ở 10 phương) , như Pháp cúng dường, dâng các vật cúng với Trợ Bạ (Người trợ giúp cho ta tu) , kết hộ ta và họ thì mới có thể vào trì niệm làm Pháp thành tựu.

\_ Đến lúc Phát Khiển, khen **Hàng Tam Thế** như sau

Quy mạng Kim Cang Thủ  
Tồi phục các loại Ma  
Đủ các hạnh Phổ Hiền  
Biển Công Đức vô biên  
An trụ thân Bốn Hữu  
Tịch tịnh không đầu đuôi  
Diệu dụng ban các Nguyện  
Điều Ma , diệt ba Độc  
Đổi thay nên tu hành  
Cứu độ các Hữu Tình  
Khiến ra khỏi sanh tử  
Từ Phàm vào Phật Địa

## TÔ TẮT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỠNG PHÁP QUYỂN THỨ HAI (Hết)

\_ Thỉnh Hỏa Thiên Chân Ngôn

ॐ ँकुल मन्तु वुग देवर्षिदेव मन्तु मन्तु देवर्ष मन्तु [म  
मन्तु देवर्ष मन्तु मन्तु मन्तु मन्तु मन्तु मन्तु

OM EHYEHI MAHÀ BHÙTA DEVARTHIDDHIJA SATTA  
HITVAHU MAHÀ RAMA SISAM NIHITOVA A'SAYE HÀHYA  
BHACYAVAHÀNAYA SVÀHÀ



OM VIKHI (?SIKHI) NIRMALE PRABHE PRABHESVÀLE  
(?PRABHESVÀRE) TAJAVANI (?TEJAVATI) PRABHAVATI SVÀHÀ

Mùa Hạ Năm Bính Tuất (2006)